

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 66/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29-7-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Chung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Huỳnh Thị Thùy Dương.
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Kiều Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:** Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Ngọc X, sinh năm 1973;

Hộ khẩu thường trú: Số A Đại lộ Bình D, tổ B, khu phố C, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: Xóm Long M, thôn Kiên L, xã Bình Th, huyện Tây S, tỉnh Bình Định. Có đơn xin vắng mặt

**2. Bị đơn:** Ông Nguyễn Quang Tiến Đ, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Số A Đại lộ Bình D, tổ B, khu phố C, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/4/2022 và quá trình giải quyết, bà Nguyễn Thị Ngọc X là nguyên đơn trình bày: Bà X và ông Nguyễn Quang Tiến Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai ngày 08/3/2012. Sau khi kết hôn, vợ

chồng sinh sống tại địa chỉ Số A Đại lộ Bình D, tổ B, khu phố C, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà X và ông Đ thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ không chung thủy, có quan hệ bất chính với nhiều người phụ nữ khác bên ngoài. Ông Đ còn tự ý sử dụng tài sản chung của vợ chồng đem cầm cố để tiêu xài cá nhân mà không thông báo cho bà X biết, gây ra nợ nần, chủ nợ nhiều lần đến nhà hăm dọa buộc bà X trả nợ, làm cho bà X rất sợ hãi, phải đưa con về nhà cha mẹ ruột tại xóm Long M, thôn Kiên L, xã Bình T, huyện Tây S, tỉnh Bình Định sinh sống từ đầu năm 2022 cho đến nay. Bà X nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, bà và ông Đ không thể nào tiếp tục sống chung với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà X được ly hôn với ông Nguyễn Quang Tiến Đ. Về con chung, bà X và ông Đ có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 08/3/2012. Khi ly hôn, bà X yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 08/3/2012, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ tại nơi cư trú, lý do ông Đ thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Định H xác định ông Nguyễn Quang Tiến Đ, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại Số A Đại lộ Bình D, tổ B, khu phố C, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông Đ theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Định H và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Đ không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Đồng thời, bà X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là

chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Ngày 20/6/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Nguyễn Quang Tiến Đ tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01/2012 ngày 20/02/2012 của Ủy ban nhân dân xã Phú T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà Nguyễn Thị Ngọc X và ông Nguyễn Quang Tiến Đ thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Đ có mối quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, đem tài sản chung của vợ chồng đi cầm cố, gây nợ nần. Bà X đã nhiều lần khuyên nhủ và cho ông Đ cơ hội với mong muốn ông Đ sẽ sửa đổi tính tình, vợ chồng cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái, nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Nay bà X xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông Đ đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà X vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông Đ. Về phía bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông Đ không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà X và ông Đ đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc X đối với ông Nguyễn Quang Tiến Đ là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà X và ông Đ có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 08/3/2012. Hiện nay, cháu Ngọc đang sống ổn định với bà X nên bà X yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bà X có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình làm việc, cháu Ngọc trình

bà hiện cháu Ngọc đang sống với bà X, do bà X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Ngọc có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Nguyễn Thị Ngọc X trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Thị Bảo N cho bà X tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 177, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc X đối với bị đơn ông Nguyễn Quang Tiến Đ về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc X được ly hôn với ông Nguyễn Quang Tiến Đ.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Bảo N, sinh ngày 08/3/2012 cho bà Nguyễn Thị Ngọc X trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do bà X không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Quang Tiến Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Quang Tiến Đ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Nguyễn Thị Ngọc X có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Quang Tiến Đ.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc X phải nộp 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2021 - 0001161 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND xã Phú T, huyện Định Q, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Chung**